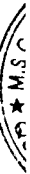


**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3. Xã Phước Khánh. Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai. CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

TRÁ
I
N

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3. Xã Phước Khánh. Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai. CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tự Hiếu	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

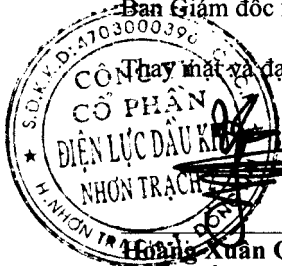
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

Ngày 25 tháng 2 năm 2013

11/12/13

11/12/13
CHI
CÔN
H NHI
ELC
VIỆT
TP.

Số: 0226/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25 tháng 2 năm 2013 từ trang 3 đến trang 26. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của vấn đề được nêu ở các đoạn trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán của Công ty tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Chí Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 25 tháng 2 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

30-02
HÀNI
TY
THUL
TTI
HAM
SC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		2.079.395.454.660	1.915.753.325.077
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		51.718.618.432	28.710.621.943
1. Tiền	111	5	51.718.618.432	28.710.621.943
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		494.830.189.800	437.801.815.184
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	494.830.189.800	437.801.815.184
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.336.929.972.359	1.229.505.566.672
1. Phải thu khách hàng	131	7	-	136.180.072.802
2. Trả trước cho người bán	132		10.927.197.129	29.299.507.639
3. Các khoản phải thu khác	135	8	1.335.786.084.080	1.064.025.986.231
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(9.783.308.850)	-
IV. Hàng tồn kho	140		184.895.064.642	181.210.013.298
1. Hàng tồn kho	141	9	184.895.064.642	181.210.013.298
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.021.609.427	38.525.307.980
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	9.499.996
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.855.109.427	38.271.807.984
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		166.500.000	244.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		11.406.653.801.460	12.557.041.056.704
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.782.753.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	218	10	38.782.753.000	-
II. Tài sản cố định	220		10.119.388.803.399	11.066.427.286.240
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	10.071.352.606.612	10.980.469.827.719
- Nguyên giá	222		11.269.710.246.911	11.201.196.368.577
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.198.357.640.299)	(220.726.540.858)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	48.036.196.787	85.957.458.521
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	11.140.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	13	11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.140.000.000)	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.248.482.245.061	1.479.473.770.464
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	1.248.482.245.061	1.479.473.770.464
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		<u>13.486.049.256.120</u>	<u>14.472.794.381.781</u>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		10.703.598.842.617	11.695.558.975.718
I. Nợ ngắn hạn	310		2.530.331.354.922	2.412.749.559.814
1. Vay ngắn hạn	311	15	1.167.641.326.901	1.162.373.439.872
2. Phải trả người bán	312		355.272.478.546	485.661.466.020
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	1.720.928.217	2.541.118.404
4. Phải trả người lao động	315		12.675.270.379	8.503.411.323
5. Chi phí phải trả	316	17	950.243.089.747	743.620.426.195
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	39.835.947.043	6.276.353.270
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.942.314.089	3.773.344.730
II. Nợ dài hạn	330		8.173.267.487.695	9.282.809.415.904
1. Vay dài hạn	334	19	8.168.620.554.502	9.278.162.482.711
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.646.933.193	4.646.933.193
B. NGUỒN VỐN	400		2.782.450.413.503	2.777.235.406.063
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	2.782.450.413.503	2.777.235.406.063
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		163.455.502.290	163.455.502.290
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.055.769.998	19.512.572.631
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		38.939.141.215	34.267.331.142
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		13.486.049.256.120	14.472.794.381.781

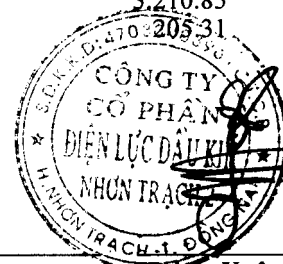
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		3.210.85	883.087.83
- EUR		205,31	225.83



Lê Văn Tú
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 2 năm 2013



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu về bán hàng	01		5.450.714.689.686	951.974.361.310
2. Doanh thu thuần về bán hàng	10		5.450.714.689.686	951.974.361.310
3. Giá vốn hàng bán	11		(4.820.085.413.450)	(853.174.423.210)
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		630.629.276.236	98.799.938.100
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	95.425.393.285	180.022.201.574
6. Chi phí tài chính	22	23	(658.369.931.812)	(214.060.059.079)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(353.639.672.404)	(70.938.555.916)
7. Chi phí bán hàng	24		(241.095.175)	(23.321.066)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(53.947.734.909)	(41.384.899.444)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20+(21-22)-(24+25)	30		13.495.907.625	23.353.860.085
10. Thu nhập khác	31	24	28.340.388.711	45.695.000
11. Chi phí khác	32	25	(34.154.058.196)	(5.297.001.446)
12. Lỗ khác (40=31-32)	40		(5.813.669.485)	(5.251.306.446)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.682.238.140	18.102.553.639
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	-	(2.686.015.678)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.682.238.140	15.416.537.961
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	<u>7.682.238.140</u>	<u>15.416.537.961</u>



Lê Văn Tú
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 2 năm 2013



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Quốc
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.682.238.140	18.102.553.639
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	977.683.863.077	216.716.428.381
Các khoản dự phòng	03	20.923.308.850	-
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	56.423.252.789	(131.543.706.667)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(87.169.525.846)	(45.397.097.189)
Chi phí lãi vay	06	353.639.672.404	70.938.555.916
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.329.182.809.414	128.816.734.080
Thay đổi các khoản phải thu	09	(87.532.081.235)	(1.071.900.944.874)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(867.972.849)	(181.210.013.298)
Thay đổi các khoản phải trả	11	121.572.823.790	404.462.411.687
Thay đổi chi phí trả trước	12	231.483.700.061	(34.870.898.156)
Tiền lãi vay đã trả	13	(360.022.456.131)	(288.399.976.176)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.211.473.680)	(1.197.653.095)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.298.261.341)	(6.890.196.672)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.228.307.088.029	(1.051.190.536.504)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn	21	(73.482.217.227)	(1.725.328.359.306)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(57.028.374.616)	-
3. Tiền thu hồi từ đầu tư	26	-	842.757.646.760
4. Thu lãi tiền gửi	27	86.021.839.939	45.664.549.818
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(44.488.751.904)	(836.906.162.728)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	3.097.954.341.456
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.160.810.359.397)	(1.196.337.154.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.160.810.359.397)	1.901.617.186.616
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	23.007.976.728	13.520.487.384
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	28.710.621.943	15.070.108.688
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	19.761	120.025.871
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	51.718.618.432	28.710.621.943

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 1.355.761.669 đồng (năm 2011: 154.792.708.227 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.

Thu lãi tiền gửi từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm số tiền 3.594.285.403 đồng (năm 2011: 2.446.599.496 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.

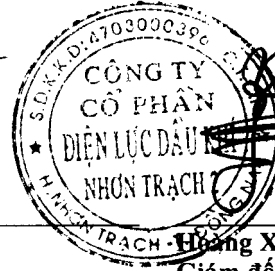
Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 18.240.826.111 đồng (năm 2011: 26.117.007.093 đồng) là số tiền lãi phải trả chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải trả.



Lê Văn Tú
Người lập biểu
Ngày 25 tháng 2 năm 2013



Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng



Hồng Xuân Quốc
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 12 tháng 9 năm 2012.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 là 165 người.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị, vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn, khoản phải thu dài hạn và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính có thể phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2012</u> <u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho khoản vay dài hạn từ nước ngoài, chi phí bảo trì bảo dưỡng và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị nhà máy điện, lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản phí bảo hiểm và chi phí bảo trì, bảo dưỡng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian của hợp đồng vay và hợp đồng bảo trì dài hạn đã ký kết.

Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Các khoản lỗ này được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Trong giai đoạn xây dựng cơ bản Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các tài khoản này, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng Nhà máy hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh thực tế lũy kế đã được ghi nhận không tính vào nguyên giá của tài sản cố định mà phân bổ vào thu nhập tài chính hay chi phí tài chính và thời gian phân bổ không quá 5 năm kể từ ngày Nhà máy chính thức vận hành thương mại.

Sau khi Công ty vận hành thương mại Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2:

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp và Công văn số 417/DKVN-TCKT ngày 16 tháng 1 năm 2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tuy nhiên, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam vẫn chưa nhận được Công văn chấp thuận của Bộ Tài chính liên quan đến việc sử dụng tỷ giá nêu trên để đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại ngày này thay vì tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty quyết định dùng tỷ giá mua vào do Vietcombank công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán dựa vào tình hình thực tế của Công ty là phải ngoại tệ từ các ngân hàng thương mại trong nước và không có sự chênh lệch đáng kể nào khi so sánh tỷ giá mua vào của Vietcombank và tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại trong nước tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	31/012/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	127.081.791	91.096.046
Tiền gửi ngân hàng	51.591.536.641	28.619.525.897
	<u>51.718.618.432</u>	<u>28.710.621.943</u>

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng và tổ chức tài chính với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 8% đến 9%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được gia hạn hàng tháng theo như yêu cầu của Công ty. Đối với hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng với Techcombank – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, theo như thỏa thuận làm tài sản đảm bảo cho khoản vay trung hạn có hạn mức 10 triệu EUR, sẽ được tự động gia hạn 3 tháng một lần đến khi hợp đồng vay nêu trên được đáo hạn. Theo đó, thời hạn thực tế của các khoản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

tiền gửi có kỳ hạn trên thường lớn hơn 3 tháng và Ban Giám đốc Công ty quyết định trình bày số liệu này là khoản đầu tư ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu khách hàng thể hiện khoản phải thu tiền điện của Công ty Mua bán điện (EPTC) tính đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán đã xuất hóa đơn theo các điều khoản của các Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty Mua bán điện (EPTC) và Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2. Theo đó, đối với phần tiền điện đã xuất hóa đơn cho các khách hàng sẽ được ghi nhận trên tài khoản phải thu khách hàng và phần tiền điện chưa xuất hóa đơn sẽ được tạm thời ghi nhận trên tài khoản phải thu khác và được kết chuyển sang tài khoản phải thu khách hàng ngay khi hóa đơn được phát hành.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC VÀ DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền bán điện cho Công ty Mua bán điện (EPTC)	1.259.562.317.180	1.047.171.797.441
Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán điện (EPTC)	42.153.554.457	14.321.325.542
Phải thu khác từ Tổng Công ty Khí Việt Nam	30.412.409.888	-
Lãi dự thu	3.594.285.403	2.446.599.496
Khác	63.517.152	86.263.752
	<u>1.335.786.084.080</u>	<u>1.064.025.986.231</u>

Các khoản phải thu khác chủ yếu là khoản tiền điện phải thu Công ty Mua bán điện (EPTC) tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 chưa xuất hóa đơn được xác định theo quy định của hợp đồng bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ ký ngày 6 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2. Khoản tiền bán điện này bao gồm doanh thu bán điện tạm tính là 1.145 tỷ đồng và thuế giá trị gia tăng là 114 tỷ đồng.

Ngoài ra, các khoản phải thu khác còn bao gồm phần khoản phải thu từ Tổng Công ty Khí Việt nam cho phần chênh lệch của lượng khí bao tiêu cho từng tháng theo như hợp đồng đã ký kết giữa hai bên nhưng Công ty không sử dụng hết. Khoản phải thu khác này thể hiện số chênh lệch lũy kế giữa sản lượng khí tiêu thụ của Công ty và các hóa đơn bán hàng của Tổng Công ty Khí Việt Nam cho giai đoạn từ tháng 11 năm 2011 đến tháng 10 năm 2012.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 trên tổng số tiền lãi chậm thanh toán phải thu từ Công ty Mua bán điện (EPTC) nhưng đã quá hạn thanh toán tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012.

9. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện giá trị dầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Số dư phải thu dài hạn khác thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai. Khoản phải thu dài hạn này được phân loại từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang các khoản phải thu khác theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa. vật kiến trúc VND	Máy móc. thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2012	1.571.144.763.642	9.601.066.633.731	26.761.905.277	2.223.065.927	11.201.196.368.577
Tăng trong năm	-	634.985.000	1.779.968.980	3.477.457.371	5.892.411.351
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	99.112.471.619	1.813.800.000	-	530.712.000	101.456.983.619
Phân loại lại	1.237.249.348.240	(1.237.249.348.240)	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-	(52.763.636)	(52.763.636)
Giảm khác	(4.901.973.577)	(33.880.779.423)	-	-	(38.782.753.000)
Tại ngày 31/12/2012	<u>2.902.604.609.924</u>	<u>8.332.385.291.068</u>	<u>28.541.874.257</u>	<u>6.178.471.662</u>	<u>11.269.710.246.911</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2012	16.261.852.869	198.731.755.595	4.545.682.930	1.187.249.464	220.726.540.858
Tăng trong năm	166.287.845.157	811.636.634.574	3.470.366.010	674.250.416	982.069.096.157
Phân loại lại	25.609.731.132	(25.609.731.132)	-	-	-
Giảm do thanh lý	-	-	-	(52.763.636)	(52.763.636)
Giảm khác	(295.859.435)	(4.089.373.645)	-	-	(4.385.233.080)
Tại ngày 31/12/2012	<u>207.863.569.723</u>	<u>980.669.285.392</u>	<u>8.016.048.940</u>	<u>1.808.736.244</u>	<u>1.198.357.640.299</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>2.694.741.040.201</u></u>	<u><u>7.351.716.005.676</u></u>	<u><u>20.525.825.317</u></u>	<u><u>4.369.735.418</u></u>	<u><u>10.071.352.606.612</u></u>
Tại ngày 31/12/2011	<u><u>1.554.882.910.773</u></u>	<u><u>9.402.334.878.136</u></u>	<u><u>22.216.222.347</u></u>	<u><u>1.035.816.463</u></u>	<u><u>10.980.469.827.719</u></u>

Theo Quyết định số 80/QĐ – CPNT2 ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, giá trị tài sản cố định hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được tạm chấp nhận là 11.190.287.657.388 đồng để làm cơ sở trích khấu hao kể từ ngày cấp chứng chỉ chấp nhận tạm thời cho toàn bộ công trình Nhà máy điện Nhơn Trạch 2. Giá trị tài sản cố định Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sẽ được xác định và điều chỉnh sau khi có quyết toán công trình hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Như đã nêu ở Thuyết minh số 10, phần chi phí đền bù giải phóng mặt bằng với số tiền là 38.782.753.000 đồng sẽ được điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản cố định đã ghi nhận trong năm 2011 vì phần chi phí này sẽ được cân trừ vào tiền thuê đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	85.957.458.521	8.804.021.197.386
Tăng	67.911.818.707	3.577.317.685.961
Chuyển sang nguyên giá tài sản cố định	(101.456.983.619)	(11.188.716.109.024)
Giảm khác	(4.376.096.822)	(1.106.665.315.802)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>48.036.196.787</u>	<u>85.957.458.521</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện giá trị các tài sản phục vụ cho việc quản lý, vận hành và bảo vệ Nhà máy chưa hoàn thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Tính đến 31 tháng 12 năm 2012 Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), chiếm 13,92% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco").

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 ban hành bởi Bộ Tài Chính, cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính chính thức của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 của Sopewaco do tại ngày lập báo cáo này Ban Giám đốc chưa thu thập được báo cáo tài chính chính thức cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 từ Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco đến ngày 30 tháng 9 năm 2012 là 85.402.936.672 đồng so với số vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư dài hạn nêu trên tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2012 VND	2011 VND
Tại ngày 1 tháng 1	1.479.473.770.464	919.328.193.477
Tăng trong năm	4.063.871.756	756.315.874.866
Phân bổ vào chi phí trong năm	(232.052.038.474)	(196.170.297.879)
Giảm khác	(3.003.358.685)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>1.248.482.245.061</u>	<u>1.479.473.770.464</u>

Chi tiết số dư của khoản chi phí trả trước dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng	565.354.905.418	628.752.088.070
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị	339.446.126.673	372.756.753.623
Chênh lệch tỉ giá hối đoái lũy kế	319.230.309.263	452.892.039.738
Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc	14.370.355.163	16.199.597.037
Chi phí khác	10.080.548.544	8.873.291.996
	<u>1.248.482.245.061</u>	<u>1.479.473.770.464</u>

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các chi phí:

Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ.

Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc thiết bị chính cho Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ EOH. Phí huy động, phí cố định và phí biến đổi được thanh toán trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

Lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì bảo dưỡng máy móc: Các chi phí đi vay liên quan đến công tác thanh toán hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam. Chi phí đi vay phát sinh trước khi Nhà Máy Điện Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và không thuộc chi phí đầu tư dự án. Các khoản lãi vay này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo số giờ EOH thực tế phát sinh.

Chênh lệch tỉ giá hối đoái lũy kế phát sinh trong thời gian xây dựng Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 đến thời điểm cấp chứng chỉ PAC vào ngày 16 tháng 10 năm 2011 và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ ngày Công ty được cấp chứng chỉ PAC theo như Công văn số 721/CT-TTH ban hành ngày 1 tháng 3 năm 2012 bởi Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

15. VAY NGẮN HẠN

Số dư vay ngắn hạn thể hiện nợ dài hạn đến hạn trả cho các khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như trình bày theo thuyết minh số 19.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế thu nhập cá nhân	304.962.479	329.644.724
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.211.473.680
Thuế tài nguyên	1.415.965.738	-
	<u>1.720.928.217</u>	<u>2.541.118.404</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Chi phí nguyên liệu	720.137.024.205	513.269.076.844
Thuế GTGT đầu ra tạm tính	114.505.665.198	95.197.436.131
Chi phí bảo trì	91.216.572.066	97.394.443.190
Lãi vay tạm trích	18.240.826.111	26.117.007.093
Khác	6.143.002.167	11.642.462.937
	<u>950.243.089.747</u>	<u>743.620.426.195</u>

Chi phí nguyên liệu là khoản công nợ phải trả cho nguyên liệu khí dùng trong quá trình vận hành Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Thuế giá trị gia tăng đầu ra tạm trích căn cứ vào khoản doanh thu bán điện tạm tính và chưa xuất hóa đơn như đã nêu ở Thuyết minh số 7 bên trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Lãi chậm thanh toán phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam	39.278.284.374	5.295.593.501
Khác	<u>557.662.669</u>	<u>980.759.769</u>
	<u>39.835.947.043</u>	<u>6.276.353.270</u>

19. VAY DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn	9.336.261.881.403	10.440.535.922.583
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	<u>(1.167.641.326.901)</u>	<u>(1.162.373.439.872)</u>
Tổng	<u>8.168.620.554.502</u>	<u>9.278.162.482.711</u>

Tại ngày 15 tháng 3 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức 10.000.000 Euro với thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc của khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ hàng quý trong vòng 10 kỳ thanh toán. Lần trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15 tháng 12 năm 2011. Lần trả nợ cuối cùng vào ngày 15 tháng 3 năm 2014. Khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Techcombank HCM tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng, lãi suất này được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 4.150.718 Euro.

Vào ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010 Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 Đô la Mỹ và 202.585.883 Euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 1 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 174.550.947 Euro và 191.052.645 Đô la Mỹ.

Vào ngày 20 tháng 1 năm 2011 và 31 tháng 3 năm 2011, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank). Chi nhánh thành phố Hà Nội với hạn mức 200 tỷ đồng với thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và hạn mức 600 tỷ đồng với thời hạn vay không quá ngày 24 tháng 1 năm 2023. Nợ gốc của các khoản vay sẽ được thanh toán định kỳ 6 tháng một lần, trong vòng 22 kỳ, nhưng không quá ngày 24 tháng 1 năm 2023. Lần trả nợ gốc đầu tiên của các khoản vay nêu trên vào ngày 25 tháng 6 năm 2012. Các khoản vay này dưới hình thức tín chấp và chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi huy động 12 tháng của Vietinbank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) với lãi suất biên theo quy định của hợp đồng và các lãi suất này được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Số dư nợ gốc của các khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 181.799.727.041 đồng và 286.467.044.714 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	1.167.641.326.901	1.162.373.439.872
Trong năm thứ hai	1.099.476.620.524	1.162.373.415.328
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.230.263.261.649	3.240.163.608.117
Sau năm năm	<u>3.838.880.672.329</u>	<u>4.875.625.459.266</u>
	<u>9.336.261.881.403</u>	<u>10.440.535.922.583</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>(1.167.641.326.901)</u>	<u>(1.162.373.439.872)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>8.168.620.554.502</u>	<u>9.278.162.482.711</u>

0-00
 HANH
 TY
 HUU
 ITTI
 NAM
 HO C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3. Xã Phước Khánh. Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai. CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại ngày 31/12/2012 và ngày 31/12/2011	
	Số cổ phần	VND
Cổ phần được phép phát hành	256.000.000	2.560.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	256.000.000	2.560.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2012 và ngày 31/12/2011	
	VND	%
Tổng công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.607.661.500.000	62.80%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	256.000.000.000	10.00%
Tập đoàn Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam	128.000.000.000	5.00%
Tổng Công ty Điện lực -Vinacomin	128.000.000.000	5.00%
Công ty ElectricPower Development (J-Power - Nhật Bản)	128.000.000.000	5.00%
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	64.000.000.000	2.50%
Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	64.000.000.000	2.50%
Các cổ đông khác	184.338.500.000	7.20%
	2.560.000.000.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	<u>Vốn điều lệ</u> VND	<u>Vốn khác của</u> <u>chủ sở hữu</u> VND	<u>Chênh lệch tỷ giá</u> VND	<u>Quỹ đầu tư</u> <u>phát triển</u> VND	<u>Lợi nhuận</u> <u>chưa phân phối</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Số dư tại ngày 1/1/2011	2.560.000.000.000	163.455.502.290	6.541.765.513	17.930.478.253	28.186.887.559	2.776.114.633.615
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(6.541.765.513)	-	-	(6.541.765.513)
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	-	1.582.094.378	(9.336.094.378)	(7.754.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.416.537.961	15.416.537.961
Số dư tại ngày 31/12/2011	<u>2.560.000.000.000</u>	<u>163.455.502.290</u>	<u>-</u>	<u>19.512.572.631</u>	<u>34.267.331.142</u>	<u>2.777.235.406.063</u>
Phân phối từ lợi nhuận	-	-	-	543.197.367	(3.010.428.067)	(2.467.230.700)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	7.682.238.140	7.682.238.140
Số dư tại ngày 31/12/2012	<u>2.560.000.000.000</u>	<u>163.455.502.290</u>	<u>-</u>	<u>20.055.769.998</u>	<u>38.939.141.215</u>	<u>2.782.450.413.503</u>

Theo nghị quyết số 03/NQ-CPNT2 của Đại Hội đồng thường niên năm 2012 ngày 27 tháng 4 năm 2012. Công ty đã trích lập quỹ đầu tư phát triển là 543.197.367 đồng (2011: 1.582.094.378 đồng) và quỹ khen thưởng phúc lợi là 2.467.230.700 đồng (Năm 2011: 7.754.000.000 đồng) và không chia cổ tức cho năm 2011. Trong kỳ, các quỹ này đã được trích lập đầy đủ từ lợi nhuận sau thuế của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHON TRẠCH 2

Áp 3. Xã Phước Khánh. Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai. CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.362.399.579.773	549.661.411.685
Chi phí nhân công	54.447.514.186	32.924.010.150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	977.683.863.077	216.716.428.381
Chi phí dịch vụ mua ngoài	455.230.363.871	93.577.014.555
Chi phí khác	24.512.922.627	1.703.778.949
	<u>4.874.274.243.534</u>	<u>894.582.643.720</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	87.169.525.846	45.397.097.189
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.255.867.439	3.081.397.718
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	131.543.706.667
Tổng cộng	<u>95.425.393.285</u>	<u>180.022.201.574</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

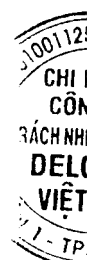
	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lãi tiền vay	353.639.672.404	70.938.555.916
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá trong quá trình xây dựng cơ bản	135.102.477.615	119.182.115.721
Phí bảo hiểm khoản vay	60.393.283.080	12.414.174.854
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	56.423.252.789	-
Phí bảo lãnh chính phủ cho khoản vay	26.461.388.888	3.268.667.874
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11.140.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.999.099.241	6.997.786.701
Khác	7.210.757.795	1.258.758.013
Tổng cộng	<u>658.369.931.812</u>	<u>214.060.059.079</u>

24. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác chủ yếu thể hiện số tiền lãi phạt chậm thanh toán của Công ty Mua bán điện (EPTC) tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo quy định của các hợp đồng mua bán điện đã ký kết giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2.

25. CHI PHÍ KHÁC

Chi phí khác chủ yếu thể hiện số tiền lãi phạt chậm thanh toán cho Tổng Công ty Khí Việt Nam tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo quy định của hợp đồng mua khí 44/2010/PV Gas/KTTT-PV Power NT2/B4 ngày 6 tháng 4 năm 2010.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012			2011
	<i>Hoạt động chính</i> VND	<i>Hoạt động Khác</i> VND	Tổng VND	Tổng VND
Lợi nhuận trước thuế	159.738.385.240	(152.056.147.100)	7.682.238.140	18.102.553.639
Cộng: Các chi phí không được khấu trừ	401.439.416	-	401.439.416	132.000.000
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-	-	(120.025.871)
Thu nhập chịu thuế	160.139.824.656	(152.056.147.100)	8.083.677.556	18.114.527.768
Khấu trừ lỗ từ hoạt động chính	(152.056.147.100)	152.056.147.100	-	-
Thu nhập chịu thuế	8.083.677.556	-	8.083.677.556	18.114.527.768
Thuế suất	0%	25%	-	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	4.528.631.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-	-	(1.842.616.264)
Chi phí thuế hiện hành	-	-	-	2.686.015.678

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 25% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ hai Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và là năm thứ hai được miễn thuế (năm đầu tiên là năm 2011).

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận sau thuế	7.682.238.140	15.416.537.961
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.682.238.140	15.416.537.961
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	256.000.000	256.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	60

28. CAM KẾT BÁN HÀNG

Công ty đã ký kết với Công ty Mua bán điện (EPTC) hợp đồng bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ vào ngày 6 tháng 7 năm 2012. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua bán điện (EPTC) trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày Nhà máy điện Nhơn Trạch chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, vốn khác của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	9.336.261.881.403	10.440.535.922.58
Trừ: Tiền	(51.718.618.432)	(28.710.621.943)
Nợ thuần	9.284.543.262.971	10.411.825.300.64
Vốn chủ sở hữu	<u>2.782.450.413.503</u>	<u>2.777.235.406.063</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>3,34</u>	<u>3,75</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	51.718.618.432	28.710.621.943
Đầu tư ngắn hạn	494.830.189.800	437.801.815.184
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.326.002.775.230	1.200.206.059.033
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	38.782.753.000	-
Đầu tư dài hạn khác	11.140.000.000	11.140.000.000
Tổng cộng	<u>1.922.484.336.462</u>	<u>1.677.868.496.160</u>
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	1.167.641.326.901	1.162.373.439.872
Phải trả người bán	355.272.478.546	485.661.466.020
Chi phí phải trả	950.243.089.747	743.620.426.195
Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.522.159.286	6.276.353.270
Vay và nợ dài hạn	8.168.620.554.502	9.278.162.482.711
Tổng cộng	<u>10.681.299.608.982</u>	<u>11.676.094.168.068</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3. Xã Phước Khánh. Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai. CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.982.916.607.965	4.492.825.397.824	66.745.741	18.392.925.659
Euro (EUR)	4.902.166.840.838	5.486.370.759.419	5.619.530	6.107.440

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	119.485.495.867	134.232.974.165
Euro (EUR)	147.064.836.639	164.590.939.559
Tổng	266.550.332.506	298.823.913.724

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Tập đoàn Điện lực Việt nam phát sinh trong năm 2012. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 30.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	51.718.618.432	-	-	51.718.618.432
Đầu tư ngắn hạn	494.830.189.800	-	-	494.830.189.800
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.326.002.775.230	-	-	1.326.002.775.230
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	-	-	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	38.782.753.000	-	38.782.753.000
Đầu tư dài hạn khác	-	11.140.000.000	-	11.140.000.000
Tổng cộng	1.872.561.583.462	49.922.753.000	-	1.922.484.336.462
Tại ngày 31/12/2012				
Công nợ tài chính				
Vay ngắn hạn	1.167.641.326.901	-	-	1.167.641.326.901
Phải trả người bán	355.272.478.546	-	-	355.272.478.546
Chi phí phải trả	950.243.089.747	-	-	950.243.089.747
Các khoản phải trả khác	39.522.159.286	-	-	39.522.159.286
Vay dài hạn	-	4.329.739.882.172	3.838.880.672.330	8.168.620.554.502
Tổng cộng	2.512.679.054.480	4.329.739.882.172	3.838.880.672.330	10.681.299.608.982
Chênh lệch thanh khoản thuần	640.117.471.018	4.279.817.129.172	3.838.880.672.330	8.758.815.272.520
31/12/2011				
Tài sản tài chính				
Tiền	28.710.621.943	-	-	28.710.621.943
Đầu tư ngắn hạn	437.801.815.184	-	-	437.801.815.184
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.200.206.059.033	-	-	1.064.025.986.231
Ký quỹ ngắn hạn	10.000.000	-	-	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	11.140.000.000	-	11.140.000.000
Tổng cộng	1.666.728.496.160	11.140.000.000	-	1.677.868.496.160

001125
CHI N
CÔNG
ÁCH NHIỆ
DELOI
VIỆT N
- TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch

Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tại ngày 31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Vay ngắn hạn	1.162.373.439.872	-	-	1.162.373.439.872
Phải trả người bán	485.661.466.020	-	-	485.661.466.020
Chi phí phải trả	743.620.426.195	-	-	743.620.426.195
Các khoản phải trả khác	6.276.353.270	-	-	6.276.353.270
Vay dài hạn	-	4.402.537.023.445	4.875.625.459.266	9.278.162.482.711
Tổng cộng	2.397.931.685.357	4.402.537.023.445	4.875.625.459.266	11.676.094.168.068
Chênh lệch thanh khoản thuần	731.203.189.197	4.391.397.023.445	4.875.625.459.266	9.998.225.671.908

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu bán điện		
Công ty Mua bán điện (EPTC) - EVN	5.450.714.689.686	2.027.378.009.506
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty khí Việt Nam	3.183.811.858.533	1.473.053.939.883
Cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí VN	357.036.996.828	5.593.478.466
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	55.938.686.549	217.974.003.259
TCT Bảo hiểm PVI	35.779.959.520	13.338.858.613
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.505.803.124	12.011.884.000
Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	4.069.167.580	490.627.500
Công ty CP phân bón & hóa chất ĐNB	3.219.300.000	407.340.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	2.042.651.588	811.414.683
CN Viện DK VN- TT NC &PT an toàn & MT Dầu Khí	1.709.138.953	352.929.491
Công ty Cổ phần tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí	1.944.175.918	9.083.207.273
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	452.563.841	2.109.897.409
TCT Tài chính cổ phần Dầu khí VN	832.013.235	1.578.435.600
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	234.438.235.917
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	651.788.642	261.874.150.813
Thu nhập tài chính		
Lãi tiền gửi từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	12.822.920.530	5.383.277.640

Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Trưởng Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	4.568.741.877	4.909.830.959

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Áp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
 Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Phải thu thương mại		
Công ty Mua bán điện (EPTC) - EVN	-	136.180.072.802
Trả trước nhà cung cấp		
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	5.502.144.615	24.498.479.867
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Đông Nam Bộ	712.188.000	1.300.860.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	323.278.068	608.495.084
Phải thu khác		
Công ty Mua bán điện (EPTC) - EVN	1.301.715.871.637	1.061.493.122.983
Lãi dự thu từ Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	1.067.361.111	377.222.222
Phải trả thương mại		
Tổng Công ty khí Việt Nam	335.694.672.382	300.023.952.348
Cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí Việt Nam	6.559.571.059	-
Ban điều hành - Dự án Nhà máy Khí Điện Nhơn Trạch 2 ("PVC")	4.572.620.777	13.075.889.987
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	1.140.250.000	2.288.400.000
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam – Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	792.644.101	-
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	716.556.529	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	517.000.000	121.564.380.813
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Đông Nam Bộ	390.258.000	78.840.000
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	371.662.300	69.942.250
Công ty điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	67.640.265	234.840.375
Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam	-	843.958.964
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	2.603.060.570
Phải trả khác		
Tổng Công ty khí Việt Nam	39.278.284.374	5.295.593.501
Đầu tư tài chính		
Tiền gửi có kỳ hạn tại Tổng Công ty cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	125.000.000.000	50.000.000.000



Lê Văn Tú
 Người lập biểu
 Ngày 25 tháng 2 năm 2013



Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng



Hàng Xuân Quốc
 Giám đốc